VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước

Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2017; được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2017;

- Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư trên.

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước[2].

---

[2] Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 06/2019/TT-BTC) có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối vào ngân sách nhà nước).

2. Đối tượng áp dụng: Các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (BQLDA), các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm

---

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 72/2017/TT-BTC)."

toán, kiểm soát thanh toán đối với các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối vào ngân sách nhà nước).

3. Đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, trường hợp quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu của chủ đầu tư, BQLDA tại Thông tư này có sự khác biệt với Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia thì áp dụng theo Hiệp định và điều ước quốc tế đó.

4. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Doanh nghiệp tư vấn khi thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án ký với các chủ đầu tư, BQLDA khác.

b) Việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực do Người đại diện có thẩm quyền của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định thành lập theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo cơ chế doanh nghiệp, không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án

Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA gồm có:

1. Khoản thu từ nguồn chi phí quản lý dự án tính trong tổng mức đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Kinh phí này được xác định bằng cách lập dự toán hoặc áp dụng định mức chi phí quản lý dự án theo quy định của Bộ Xây dựng.

2. Khoản thu từ các khoản phí được khấu trừ và để lại từ việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án như: tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng; thẩm định dự toán xây dựng và các hoạt động khác theo quy định hiện hành.

3. Các khoản thu của BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho các chủ đầu tư, BQLDA khác như: quản lý các dự án được các chủ đầu tư khác ủy nhiệm, ủy thác theo quy định tại Thông tư số 16/2016/TT-BXD

ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức lựa chọn nhà thầu, giám sát thi công, lắp đặt thiết bị, thẩm định, thẩm tra thiết kế, dự toán và các hoạt động tư vấn khác. Mức thu theo hợp đồng được ký kết, không trái với quy định của pháp luật.

4. Thu từ việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (ngoài khoản chi phí tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư đã được tính trong chi phí quản lý dự án được giao theo quy định của Bộ Xây dựng);

5.[3] Thu từ nhiệm vụ quản lý, bảo trì dự án sau hoàn thành của BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

6. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý.

7.[4] Trường hợp BQLDA được cấp có thẩm quyền giao làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thì việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của dự án PPP được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Chủ đầu tư, BQLDA thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chi đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

2. Cơ quan thanh toán có trách nhiệm kiểm soát và thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ chi phí quản lý dự án cho các chủ đầu tư, BQLDA theo quy định của Thông tư này.

3. Cơ quan Tài chính các cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện theo quy định của Thông tư này.

4. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, của BQLDA chỉ đạo chủ đầu tư, BQLDA thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Phân nhóm đối tượng quản lý dự án

1. Nhóm I: các chủ đầu tư do người quyết định đầu tư giao (trừ trường hợp người quyết định đầu tư giao BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, BQLDA đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư), BQLDA đầu tư xây dựng 1 dự án do chủ đầu tư quyết định thành lập theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Nhóm II: BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, BQLDA đầu tư xây dựng khu vực do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thành lập theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực xây dựng phương án tự chủ về tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo người quyết định thành lập để phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

3. Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện việc lập dự toán, quyết toán thu chi theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này. BQLDA nhóm II thực hiện việc lập dự toán, quyết toán thu chi hàng năm theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

Điều 5. Chế độ kế toán và hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án[5]

1. Chế độ kế toán: Chủ đầu tư, BQLDA thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

2. Hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

a) Các khoản thu từ việc thực hiện quản lý dự án và thực hiện các công việc tư vấn thuộc các dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào nguồn vốn của dự án đó.

b) Các khoản thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng và các khoản thu khác hạch toán vào doanh thu của BQLDA.

Điều 6. Tài khoản giao dịch

1. Chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản giao dịch để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực quản lý nhiều dự án được mở một tài khoản chung tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện giao dịch của chủ đầu tư, BQLDA để tiếp nhận nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án của tất cả các dự án được giao quản lý.

2. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư thực hiện tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý dự án theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chế độ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư; đề nghị của chủ đầu tư, BQLDA; chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

3. BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành có các hoạt động dịch vụ được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi của hoạt động dịch vụ. BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành nhận ủy thác quản lý thực hiện các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước đối với dự án được ủy thác.

Điều 7. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành có các khoản thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho các chủ đầu tư, BQLDA khác và các khoản thu hợp pháp khác mà các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý, phải thực hiện đăng ký, nộp đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế, phí, lệ phí.

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

Điều 8. Quản lý và sử dụng tài sản[6]

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phục vụ quản lý dự án thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, định mức, tiêu chuẩn của nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với đối tượng tương ứng của chủ đầu tư tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. BQLDA nhóm II thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM I

Điều 9. Lập dự toán thu, chi quản lý dự án hằng năm

1. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án; nhưng phải tuân thủ các nội dung chi quy định tại Điều 11 Thông tư này và không vượt định mức trích theo quy định.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt một dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán thu, chi quản lý dự án riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện sử dụng.

3. Cơ sở để lập dự toán thu, chi quản lý dự án

a) Quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư, quyết định thành lập BQLDA;

b) Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán;

c) Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với các khoản thu và chi phí quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư);

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

d) Văn bản cho phép chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện một số công việc như: tiếp nhận, bảo quản vật tư, thiết bị của dự án, các hoạt động khác và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các công việc nói trên kèm theo;

đ) Các khoản thu quy định tại Điều 2 Thông tư này;

e) Các quy định về định mức trích chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng hiện hành;

g) Bảng tính lương năm của cán bộ quản lý dự án theo Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó xác định rõ danh sách cán bộ trực tiếp tham gia quản lý dự án theo 3 mục: cán bộ hưởng lương từ dự án, cán bộ hưởng lương theo hợp đồng, cán bộ kiêm nhiệm quản lý dự án;

h) Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

i) Định mức tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản, định mức mua ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

k) Các căn cứ khác của dự án (nếu có).

4. Nội dung dự toán thu, chi quản lý dự án gồm có 02 phần: Dự toán thu và Dự toán chi.

Điều 10. Nội dung dự toán thu

1. Xác định nguồn thu được trích theo từng dự án:

Xác định nguồn kinh phí trích theo từng dự án được giao quản lý để ghi vào Mẫu số 01(i)/DT-QLDA - Bảng tính nguồn kinh phí quản lý dự án ban hành kèm theo Thông tư này. Mẫu số 01(i)/DT-QLDA lập riêng cho từng dự án (i). (i) sẽ chạy từ 1 đến n đối với trường hợp chủ đầu tư được giao quản lý nhiều dự án, cụ thể như sau:

a) Căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí quản lý dự án theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền để xác định chi phí quản lý dự án của dự án (ký hiệu là $\mathbf{G_{QLDA}}$). Trường hợp các dự án không có định mức trong các văn bản công bố hoặc chỉ làm công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án thì trích theo dự toán do cấp giao nhiệm vụ duyệt. Đối với các dự án ODA nếu

Hiệp định của dự án hoặc Thỏa thuận về vốn viện trợ không hoàn lại ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ quy định cụ thể về mức kinh phí quản lý dự án thì thực hiện theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận đó.

b) Căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền để xác định các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện (ký hiệu là $\mathbf{G_{TV}}$). Trường hợp khoản chi phí tư vấn không có định mức trong các văn bản công bố thì lập dự toán theo quy định.

c) Xác định mức chi cụ thể cho những công việc thuộc chi phí quản lý dự án mà chủ đầu tư, BQLDA cần phải thuê tư vấn thực hiện (bao gồm cả trường hợp chủ đầu tư thuê BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực thực hiện quản lý dự án theo hợp đồng Ủy thác quản lý dự án) (ký hiệu là $\mathbf{G_{TTV}}$).

d) Kinh phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng theo từng dự án trong suốt quá trình quản lý dự án (ký hiệu là $\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)}}$) được xác định theo công thức:

$$\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)} = G_{QLDA} + G_{TV} - G_{TTV}}$$

đ) Phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA[7]

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA một dự án do chủ đầu tư quyết định thành lập: tỷ lệ phân chia kinh phí tương ứng với tỷ lệ phân công nhiệm vụ, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA do chủ đầu tư quyết định và được ghi trong quyết định thành lập BQLDA hoặc văn bản giao nhiệm vụ.

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực: việc phân chia chi phí quản lý dự án căn cứ theo nội dung, khối lượng và tính chất công việc quản lý dự án do chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực thực hiện và được thể hiện trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và BQLDA sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của người quyết định đầu tư.

e) Dự kiến phân bổ chi phí quản lý dự án cho các năm triển khai thực hiện dự án.

2. Lập dự toán thu năm kế hoạch theo Mẫu số 02/DT-QLDA[8] ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó xác định rõ: Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang;

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[8] Mẫu này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý; Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) và Nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có); Tổng kinh phí được sử dụng, lũy kế kinh phí đã sử dụng các năm trước, kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch, kinh phí còn để sử dụng các năm sau.

Điều 11. Nội dung dự toán chi

Nội dung dự toán chi của chủ đầu tư, BQLDA được ghi trong Mẫu số 04/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung chi cụ thể như sau:

1. Chi tiền lương:

a) Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được giao; lương theo hợp đồng lao động đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Chi tiền lương làm thêm giờ, làm đêm theo quy định của Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các văn bản hướng dẫn thực hiện (Nghị định số 45/2013/NQ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Thông tư liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)).

2. Chi tiền công trả cho lao động theo công việc cụ thể, theo thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các khoản phụ cấp lương:

a)[9] Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp chức vụ, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, các chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với các cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án tại một BQLDA được hưởng phụ cấp quản lý dự án theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại BQLDA. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều BQLDA thì mức phụ cấp quản lý dự án kiêm nhiệm được xác định tương ứng với tỷ lệ thời gian làm việc cho từng BQLDA, nhưng tổng mức phụ cấp của tất cả các BQLDA làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% mức lương theo cấp bậc, phụ cấp lương được hưởng.

- Những người đã hưởng lương theo quy định tại Khoản 1 Điều này không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Khoản này.

4. Các khoản trích nộp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn, trích nộp khác đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5.[10] Chi khen thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) và các chi phí liên quan đến khen thưởng. Mức chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng. Mức trích lập dự toán chi tiền thưởng tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng.

---

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

6. Chi phúc lợi tập thể: Thanh toán tiền nghỉ phép, nghỉ chế độ, trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất, tiền thuốc y tế.

7. Chi thanh toán dịch vụ công cộng: tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, nhiên liệu, khoán phương tiện, các dịch vụ khác.

8. Chi mua vật tư văn phòng: công cụ, dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, khác.

9. Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: cước phí điện thoại, bưu chính, Fax, Internet, sách, báo, tài liệu quản lý.

10. Chi phí hội nghị: thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

11. Chi thanh toán công tác phí: thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

12. Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, nhà làm việc, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia và giảng viên, thuê đào tạo lại cán bộ, thuê mướn khác.

13. Chi đoàn đi công tác tại nước ngoài: thực hiện theo nội dung, tiêu chuẩn, định mức chi tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

14. Chi đoàn vào: Thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

15.[11] Chi sửa chữa thường xuyên tài sản: việc sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

16.[12] Chi phí mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án: nhà cửa, phương tiện đi lại, thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính, máy văn phòng, các tài sản khác phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.

17. Chi phí khác: nộp thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm tài sản và phương tiện, tiếp khách, chi ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình và một số khoản chi khác.

18. Dự phòng: tối đa bằng 10% của dự toán.

Định mức chi tiêu đối với các khoản chi tại điều này thực hiện theo các quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án

1. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án.

2. Hồ sơ trình thẩm định dự toán thu, chi quản lý dự án:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt; quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán công trình; quyết định thành lập BQLDA;

b) Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA;

c) Dự toán thu quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA.

d) Bảng tính lương năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA;

đ) Quyết định phân công cán bộ, công chức, viên chức làm việc kiêm nhiệm, xác định tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại BQLDA.

e) Dự toán chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 04/DT-QLDA.

3. Nội dung thẩm định dự toán thu, chi quản lý dự án:

a) Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, sự phù hợp trong việc phân bổ nguồn kinh phí cho các năm trong Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA;

b) Thẩm định sự phù hợp trong bảng Dự toán thu quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA;

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

c) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 04/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thẩm định dự toán thu, chi quản lý dự án theo quy định và hồ sơ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ.

5. [13]Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC gửi tới BQLDA, cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan để thực hiện.

6. Trong quá trình sử dụng, chủ đầu tư được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh các khoản chi trong phạm vi dự toán năm đã duyệt. Trường hợp vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

Điều 13. Quy định về sử dụng kinh phí tiết kiệm được

1.[14] Số kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được khi kết thúc năm ngân sách là khoản chênh lệch giữa nguồn thu thực tế của dự toán thu được duyệt trong năm lớn hơn số đã chi thực tế của dự toán chi được duyệt trong năm đúng quy định sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao trong năm về quản lý dự án đầu tư.

Trường hợp các nhiệm vụ chi đã được phê duyệt trong dự toán không thực hiện trong năm, hoặc đang thực hiện dở dang mà chuyển sang thực hiện năm sau thì được chuyển dự toán của các khoản kinh phí đó sang năm sau để tiếp tục thực hiện. Trường hợp này đơn vị phải xác định và chịu trách nhiệm về số kinh phí tương ứng với nhiệm vụ chi chưa thực hiện hoặc thực hiện dở dang để chuyển năm sau, nguồn kinh phí này không được sử dụng để xác định kinh phí tiết kiệm trong năm.

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

2. Nội dung sử dụng kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được:

a)[15] Chi thu nhập tăng thêm:

- Trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được, chủ đầu tư, BQLDA xác định hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa 1,0 (một) lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 72/2017/TT-BTC.

- Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động đảm bảo nguyên tắc gắn với khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, bảo đảm thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức trong cùng đơn vị.

b) Chi khen thưởng: chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng).

c) Chi các hoạt động phúc lợi tập thể:

- Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể;

- Hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Thương binh liệt sỹ,...);

- Ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau, nghỉ hưu, nghỉ mất sức;

- Hỗ trợ chi trang phục cho cán bộ và người lao động;

- Hỗ trợ cán bộ, công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

- Chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi.

d) Số kinh phí tiết kiệm được cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau; đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I - Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang) để lập dự toán cho năm sau.

đ)[16] Chủ đầu tư, BQLDA xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định hoặc có văn bản chấp thuận trước khi ban hành Quy chế.

---

[15] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

3. Tạm chi kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được[17].

a) Căn cứ dự toán thu, chi trong năm và Quy chế chi tiêu nội bộ và tùy theo điều kiện cụ thể của đơn vị; chủ đầu tư, BQLDA tạm chi số kinh phí có khả năng tiết kiệm được trong năm kế hoạch như sau:

- Đối với chi thu nhập tăng thêm: Tạm chi thu nhập tăng thêm trong năm được thực hiện theo quý hoặc theo 6 tháng tùy theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của chủ đầu tư, BQLDA. Mức tạm chi thu nhập tăng thêm từng lần tối đa 70% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định tương ứng trong 03 tháng hoặc 06 tháng của chủ đầu tư, BQLDA.

- Đối với chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể: căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ và điều kiện cụ thể của đơn vị; chủ đầu tư, BQLDA tạm chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm.

b) Kết thúc năm ngân sách, sau khi quyết toán chi phí quản lý dự án được chủ đầu tư phê duyệt, trường hợp số kinh phí tiết kiệm được thực tế thấp hơn số kinh phí tiết kiệm được mà đơn vị đã tạm chi và số kinh phí Kho bạc Nhà nước đã thực hiện chi trả, căn cứ quyết toán chi phí quản lý dự án được phê duyệt, chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm nộp trả số kinh phí đã chi vượt vào tài khoản của chủ đầu tư, BQLDA mở tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Điều 14. Quyết toán thu, chi quản lý dự án

1.[18] Khi kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau lập báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án theo Mẫu số 01/QT-QLDA. Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án.

Chủ đầu tư quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án hàng năm. Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

kèm theo chứng từ chi tiêu cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan thẩm tra quyết toán phê duyệt theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Thời hạn thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thẩm tra báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án theo quy định và hồ sơ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ.

3. Hồ sơ báo cáo quyết toán:

a) Tờ trình xin phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án đầu tư;

b) Mẫu số 01/QT-QLDA: Bảng tổng hợp quyết toán chi phí quản lý dự án đầu tư năm, có đối chiếu xác nhận số vốn đã thanh toán của cơ quan thanh toán;

c) Các chứng từ chi tiêu có liên quan phát sinh trong năm;

d) Bản sao các tài liệu như: quyết định giao dự toán năm, quyết định điều chỉnh dự toán trong năm (nếu có), thông báo duyệt quyết toán của năm trước.

4. Nội dung thẩm tra:

a) Thẩm tra việc sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trong năm kế hoạch.

b) Thẩm tra, đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA với định mức được trích, chế độ chi tiêu do Nhà nước ban hành và dự toán chi phí quản lý dự án được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có);

c) Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Thẩm tra sự phù hợp của phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể thực hiện trong năm kế hoạch.

5. Quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án:

a) Quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch theo Mẫu số 01.QĐ/QT-QLDA.

b) Quyết toán chi phí quản lý toàn dự án khi dự án hoàn thành được phê duyệt chung trong Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

6.[19] Xử lý số dư kinh phí hàng năm: khoản chênh lệch nguồn thu được quyết toán lớn hơn số đã chi được quyết toán được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau; đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I- Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang).

7. Phân bổ chi phí quản lý dự án hằng năm: Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án thì chủ đầu tư thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý của các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Đối với các chi phí cho công tác tư vấn; tiếp nhận, bảo quản vật tư thiết bị,... và các chi phí trực tiếp khác của dự án nào thì phân bổ trực tiếp cho dự án đó;

b) Phần chi phí quản lý chung sẽ phân bổ theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mức đầu tư của các dự án.

8. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí quản lý dự án được quyết toán là tổng hợp các giá trị quyết toán chi quản lý dự án đã phê duyệt hằng năm của từng dự án tương ứng.

9. Riêng đối với BQLDA đầu tư xây dựng 1 dự án: Sau khi dự án được giao quản lý hoàn thành, trường hợp số kinh phí quản lý dự án đã tạm ứng, thanh toán các năm cao hơn giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án trong quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt thì BQLDA phải nộp ngân sách nhà nước khoản chênh lệch. Trường hợp số kinh phí quản lý dự án đã tạm ứng, thanh toán nhỏ hơn giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án trong quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt thì Kho bạc nhà nước thanh toán cho BQLDA phần chênh lệch này theo đề nghị của BQLDA và phù hợp với quy định hiện hành. Sau khi BQLDA hoàn thành nhiệm vụ và giải thể, việc xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 2. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM II

Điều 15. Nguyên tắc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính

1. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của đơn vị.

2. Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện quyền tự chủ phải gắn với trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định của mình; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính

1. Nguồn tài chính của BQLDA nhóm II là các khoản thu quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đối với các khoản chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này, Giám đốc BQLDA nhóm II được quyết định một số mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý cụ thể như sau:

a) Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: căn cứ vào khả năng tài chính, Ban QLDA được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu chi của đơn vị, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. BQLDA phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ôtô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

4. Căn cứ tính chất công việc, Giám đốc BQLDA nhóm II được quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc; Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.[20] BQLDA nhóm II xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quy chế, trường hợp Quy chế có quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp. Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện theo Quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

Điều 17. Nội dung chi

1.[21] Chi thường xuyên, gồm: Tiền lương; tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp theo lương; chi khen thưởng; chi phúc lợi tập thể; thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đoàn vào; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa thường xuyên tài sản; các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định. Nội dung các khoản chi, định mức chi thường xuyên phải phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 16 Thông tư số 72/2017/TT-BTC, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này[22] và phải được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi không thường xuyên, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định; chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi khác có liên quan.

Điều 18. Tiền lương, tiền công và thu nhập

1. Tiền lương, tiền công: Chi phí tiền lương cho cán bộ và người lao động được tính theo lương cấp bậc, chức vụ do Nhà nước quy định. Tiền công trả cho lao động theo công việc cụ thể, theo thỏa thuận.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[22] Tức khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC và tương ứng với Điều 11 và khoản 5 Điều 12 tại văn bản hợp nhất này.

2. Thu nhập tăng thêm: Nhà nước khuyến khích các BQLDA tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện tinh giản biên chế, tăng thêm thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được quyết định tổng mức chi trả thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định.

Việc chi trả thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc: người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn. BQLDA xây dựng quy chế chi thu nhập tăng thêm trong quy chế chi tiêu nội bộ theo khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, đảm bảo thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức trong cùng đơn vị. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị và cũng theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công việc. Giám đốc BQLDA chi trả thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Khi nhà nước điều chỉnh các quy định về tiền lương, nâng mức lương cơ sở; khoản tiền lương cấp bậc, chức vụ tăng thêm theo chế độ nhà nước quy định do BQLDA tự bảo đảm từ nguồn tài chính của đơn vị.

Điều 19. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm[23]

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch giữa nguồn thu thực tế được sử dụng trong năm (không bao gồm các khoản thu trong dự toán được duyệt hoặc phát sinh trong năm chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Thông tư này[24]) lớn hơn chi thường xuyên thực tế đúng quy định (không bao gồm các khoản chi thường xuyên trong dự toán chi chưa thực hiện hoặc chưa chi hết

---

[23] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[24] Tức khoản 12 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC và tương ứng với Điều 20 tại văn bản hợp nhất này.

được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Thông tư này[25]), BQLDA được sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án do Nhà nước quy định.

3. Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Mức trích đối với 2 Quỹ này tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.

4. Phần chêch lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 20. Sử dụng các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động quản lý dự án; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị.

2. Quỹ bổ sung thu nhập để chi trong các trường hợp:

a) Tạm ứng cho các khoản chi thường xuyên khi đầu năm chưa có kế hoạch vốn được giao, chưa có nguồn thu hoặc chưa duyệt dự toán. Khi có kế hoạch vốn được giao, dự toán được duyệt hoặc có nguồn thu thì thực hiện hoàn trả về Quỹ bổ sung thu nhập;

b)[26] Chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án (gồm: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng tiền lương từ chi phí quản lý dự án) trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

3. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua

---

[25] Tức khoản 12 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC và tương ứng với Điều 20 tại văn bản hợp nhất này.

[26] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 12, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc BQLDA quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4.[27] Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong BQLDA (hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm; ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau; hỗ trợ chi trang phục cho cán bộ và người lao động; và các nội dung hỗ trợ khác); trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế. Giám đốc BQLDA quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

5. Mức trích cụ thể của các Quỹ theo quy định tại Điều 19 và việc sử dụng các Quỹ do Giám đốc đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

6.[28] Tạm trích Quỹ để chi:

a) Đối với Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Căn cứ dự toán thu, chi của năm, BQLDA tạm tính chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm được thực hiện theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và Quy chế chi tiêu nội bộ. Mức tạm tính không quá 2 tháng tiền lương, tiền công bình quân theo bảng tính lương dự toán trong năm.

b) Đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Căn cứ dự toán thu, chi của năm; kết quả hoạt động tài chính quý trước (đối với quý đầu tiên của năm kế hoạch, BQLDA căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính quý IV năm trước liền kề), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, BQLDA tự xác định chênh lệch nguồn thu được sử dụng, chi thường xuyên, thực hiện tạm trích Quỹ bổ sung thu nhập hàng quý (tối đa không vượt quá 70% số chênh lệch nguồn thu được sử dụng lớn hơn chi thường xuyên BQLDA xác định được theo quý) để tạm chi thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định hiện hành và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b, khoản 12, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[28] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c, khoản 12, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

c) Kết thúc năm ngân sách, chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 năm sau, BQLDA xác định số chênh lệch nguồn thu được sử dụng trong năm lớn hơn chi thường xuyên và trích lập các Quỹ theo quy định.

Trong đó, đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Trường hợp số đã tạm chi trước thu nhập tăng thêm của BQLDA vượt quá số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, số chi vượt phải trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập của năm trước còn dư (nếu có) và số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của BQLDA; nếu vẫn còn thiếu thì trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tập thể của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của BQLDA (nếu các Quỹ này không còn nguồn). Trường hợp số đã tạm chi thấp hơn số được trích lập các Quỹ theo quy định, BQLDA chi trả tiếp cho người lao động hoặc để lại Quỹ để chi cho người lao động năm sau, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.

Sau khi quyết toán năm của BQLDA được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số được trích lập các Quỹ theo quy định có thay đổi (tăng hoặc giảm) so với số BQLDA xác định khi kết thúc năm ngân sách, BQLDA có trách nhiệm điều chỉnh lại số trích lập các Quỹ, tương tự như khi kết thúc năm ngân sách nêu trên và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.

Điều 21. Quy định về lập, chấp hành dự toán thu, chi quản lý dự án[29]

1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án

a) Lập dự toán thu, chi quản lý dự án

Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề; BQLDA lập dự toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01(i), 02, 03/DT-QLDA, 05/DT-QLDA[30] gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan được cơ quan quyết định thành lập ủy quyền) phê duyệt.

b) Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án

Cơ quan phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án giao đơn vị chức năng tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt. Hồ sơ thẩm định, nội dung thẩm định, thời

---

[29] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 13, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[30] Mẫu này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

hạn thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư số 72/2017/TT-BTC; quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/QĐ-QLDA[31].

Căn cứ nội dung chi thường xuyên (tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này[32]*), Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA và quy định của pháp luật hiện hành đối với chi không thường xuyên (tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC), cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt về nội dung và mức chi của dự toán thu, chi quản lý dự án.*

Trong năm, trường hợp BQLDA có nhu cầu tăng dự toán chi và có nguồn thu đảm bảo, BQLDA thực hiện lập và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi quản lý dự án.

c) Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện dự toán thu, chi:

a) Đối với các nguồn thu: BQLDA quản lý các nguồn thu theo tình hình thực tế trong năm của đơn vị. Tùy điều kiện cụ thể của nguồn thu và nhiệm vụ thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA chịu trách nhiệm xác định:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi thường xuyên trong năm);

- Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trong năm).

b) Đối với kinh phí chi hoạt động thường xuyên, trong quá trình thực hiện, căn cứ dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, BQLDA thực hiện chi theo các nội dung tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 72/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này[33] *cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Kết thúc năm ngân sách, BQLDA xác định các khoản chi theo dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết để chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.*

---

[31] Mẫu này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[32] Tức khoản 9 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, tương ứng với khoản 5 Điều 16 tại văn bản hợp nhất này.

[33] Tức khoản 9 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, tương ứng với khoản 5 Điều 16 tại văn bản hợp nhất này.

c) Đối với kinh phí chi cho hoạt động không thường xuyên: khi điều chỉnh các nhóm mục chi, nhiệm vụ chi, kinh phí cuối năm chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 22. Quyết toán thu, chi quản lý dự án

1. Kết thúc năm kế hoạch, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật, BQLDA lập báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư, đồng thời lập báo cáo quyết toán thu, chi trình cơ quan thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 phê duyệt để làm cơ sở lập dự toán năm sau.

Hồ sơ quyết toán thu, chi năm gồm có:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán;

b) Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA[34];

c) Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm.

2. Thẩm tra quyết toán thu, chi hoạt động hàng năm:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thu, chi giao đơn vị chức năng tổ chức thẩm tra trước khi phê duyệt.

b) Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra việc phân bổ chi phí quản lý dự án và các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo các năm và năm kế hoạch.

Đối chiếu số liệu trong Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 02/QT-QLDA với dự toán năm được duyệt hoặc được điều chỉnh nếu có.

Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thời hạn thẩm tra và phê duyệt quyết toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ. Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA[35] kèm theo.

---

[34] Mẫu này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[35] Mẫu này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

4. Hằng năm, BQLDA thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Đối với các chi phí cho công tác tư vấn; tiếp nhận, bảo quản vật tư thiết bị,... và các chi phí trực tiếp khác của dự án nào thì phân bổ trực tiếp cho dự án đó;

b) Phần chi phí quản lý chung sẽ phân bổ theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mức đầu tư của các dự án.

5. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, các khoản chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng,... tính trong tổng mức đầu tư của từng dự án được quyết toán theo đúng định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư của dự án.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các BQLDA nhóm I:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án.

b) Thực hiện việc lập dự toán, thẩm định, phê duyệt (đối với chủ đầu tư) hoặc trình cấp thẩm quyền (đối với BQLDA đầu tư xây dựng 1 dự án) phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án; lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án, lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để trình cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Giám đốc BQLDA nhóm II:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án.

b) Thực hiện việc lập dự toán, báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

d)[36] Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác và các văn bản hướng dẫn, báo cáo cơ quan cấp trên.

đ)[37] Xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

e) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

g) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của cơ quan thanh toán

a) Chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định về thanh toán vốn đầu tư, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm đối chiếu và xác nhận kinh phí đã thanh toán trong năm, kinh phí còn dư theo dự toán tại Mẫu số 01/QT-QLDA, Mẫu số 02/QT-QLDA báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA.

4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

a) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự toán, quyết toán thu, chi quản lý dự án của các Ban QLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực do mình thành lập.

---

[36] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 14, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

[37] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 14, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

b) Quyết định phương án tự chủ về tài chính đối với các BQLDA chuyên ngành, khu vực do mình thành lập.

c) Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA chưa được quyết toán của các năm trước do thực hiện quy định tại các Thông tư sau: Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 17/2013/TT-BTC ngày 19/02/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính thay thế các Thông tư trên thì không phải thực hiện quyết toán lại theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các dự án đã lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan phê duyệt trước khi Thông tư này có hiệu lực thì việc lập báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTC và không phải xác định lại chi phí quản lý dự án theo giá trị được phân bổ tại Thông tư này.

Điều 25. Điều khoản thi hành[38]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017 và thay thế Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về

---

[38] Điều 2 Thông tư số 06/2019/TT-BTC quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./."

quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 24/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

HỆ THỐNG MẪU BIỂU

(Kèm theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước)

TT	Số phụ lục	Tên mẫu/phụ lục
1	Mẫu số: 01(i)/DT-QLDA	Bảng tính chi phí quản lý dự án (lập riêng cho từng dự án)
2	*Mẫu số: 02/DT-QLDA*[39]	Dự toán thu quản lý dự án năm...
3	Mẫu số: 03/DT-QLDA	Bảng tính lương năm...
4	Mẫu số: 04/DT-QLDA	Dự toán chi phí quản lý dự án năm… của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I
5	*Mẫu số: 05/DT-QLDA*[40]	Dự toán chi phí quản lý dự án năm… của BQLDA nhóm II
6	Mẫu số: 01/QĐ-QLDA	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi năm… của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I
7	*Mẫu số: 02/QĐ-QLDA*[41]	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi năm… của BQLDA nhóm II
8	Mẫu số: 01/QT-QLDA	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm... của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I
9	Mẫu số: 01.QĐ/QT-QLDA	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm... của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I
10	*Mẫu số: 02/QT-QLDA*[42]	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm... của BQLDA nhóm II
11	*Mẫu số: 02.QĐ/QT-QLDA*[43]	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm... của BQLDA nhóm II

[39] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

[40] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

[41] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

[42] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

[43] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

Mẫu số: 01(i) /DT-QLDA
(Lập riêng cho từng dự án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

BẢNG TÍNH KINH PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư:
BQLDA:
Tên dự án:
Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng... năm.... đến tháng... năm....

Đơn vị tính:... đồng

TT	Nội dung công việc, diễn giải	Kết quả
I	Chi phí quản lý dự án: (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	G_{QLDA}
II	Các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện: (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	G_{TV}
1		
...		
III	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA cần thuê tư vấn (nếu có):	G_{TTV}
1		
...		
IV	Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng ($G_{QLDA\ (CĐT)}$ **= I + II - III**): Trong đó: - Chủ đầu tư sử dụng: - BQLDA sử dụng:	$G_{QLDA\ (CĐT)}$

Dự kiến phân bổ cho các năm:

Năm thực hiện	Phân bổ chung (.... đồng)	Chủ đầu tư sử dụng (...đồng)	BQL sử dụng (... đồng)
20…			
20…			
…			
Dự phòng			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02/DT-QLDA[44]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

DỰ TOÁN THU QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 20...
Đơn vị: (Tên chủ đầu tư/BQLDA).

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục dự án	Tổng nguồn thu theo dự án	Lũy kế nguồn đã thu các năm trước	Nguồn thu năm kế hoạch				Nguồn còn lại thu các năm sau
				Tổng số	Nguồn thu được sử dụng trong năm *(đ)*		Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng *(e)*	
					Số tiền	Tỷ lệ (%) *(a)*		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)-(6)	(9)=(3)-(4)-(5)
	Tổng nguồn thu (I+II+III+IV+V) *(b)*					**100**		
I	**Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang**							
II	**Nguồn thu từ dự án được giao quản lý**							
1	**Nguồn trích quản lý dự án**							
1.1	Dự án...							
1.2	Dự án...							
...	...							
2	**Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý**							
2.1	Dự án...							
2.2	Dự án...							
...	...							
III	**Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư, BQLDA khác (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp *(c)***							
1	Dự án...							
2	Dự án...							
...	...							
IV	**Nguồn thu hợp pháp khác**							
1	Dự án...							

[44] *Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.*

2	Dự án...							
...	...							
V	**Nguồn thu bổ sung trong năm (nếu có)** ***(d)***							
1	**Nguồn thu từ dự án được giao quản lý**							
1.1	**Nguồn trích quản lý dự án**							
1.1.1	Dự án...							
1.1.2	Dự án...							
...	...							
1.2	**Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý**							
1.2.1	Dự án...							
1.2.2	Dự án...							
...	...							
2	**Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư, BQLDA khác (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp** ***(c)***							
2.1	Dự án...							
2.2	Dự án...							
...	...							

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

Trường hợp chưa xác định cụ thể được nguồn thu, nguồn kinh phí để làm cơ sở lập dự toán thu năm sau; chủ đầu tư, BQLDA căn cứ tình hình thực tế của đơn vị dự kiến nguồn thu, nguồn kinh phí này để lập dự toán thu, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

(a) Tỷ lệ (%) bằng số tiền nguồn thu được sử dụng trong năm của từng dự án chia cho Tổng số tiền nguồn thu được sử dụng trong năm kế hoạch nhân 100%.

(b) Trường hợp có phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần QLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(c) Đối với BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực có các hoạt động tư vấn cho chủ đầu tư khác.

(d) Trong năm thực hiện, trường hợp chủ đầu tư/BQLDA có nhu cầu tăng dự toán chi để sử dụng trong năm, chủ đầu tư/BQLDA lập bổ sung dự toán thu theo quy định tại Bảng này, ghi rõ ngày tháng năm lập bổ sung, số tiền trích từ dự án bổ sung (nếu có), số thay đổi giữa nguồn thu được sử dụng trong năm và nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (nếu có) để thực hiện quản lý và xác định lại tỷ lệ trích ở Cột 6 cho từng dự án trên tổng số dự kiến trích để làm cơ sở phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí quản lý dự án năm.

(đ), *(e)* Đối với BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực tùy điều kiện cụ thể của nguồn thu và nhiệm vụ thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA chịu trách nhiệm xác định:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi thường xuyên trong năm);
- Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trong năm).

Mẫu số: 03/DT-QLDA

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

BẢNG TÍNH LƯƠNG NĂM……

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp khác	Cộng hệ số	Tiền lương và phụ cấp một tháng	Số tháng	Tiền lương và phụ cấp cả năm	Phụ cấp kiêm nhiệm	
											Hệ số	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I …	**Cán bộ hưởng lương từ dự án**											
II …	**Cán bộ hưởng lương hợp đồng QLDA**											
III …	**Cán bộ kiêm nhiệm QLDA (nếu có)**											
	Tổng cộng (I+II+III)											

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 04/DT-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM…

Tên Chủ đầu tư/BQLDA:……

Đơn vị tính:...

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán được duyệt	Thực hiện	
1	2	3	4	5
	Tổng cộng			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền			
10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Chi sửa chữa tài sản			
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý			
17	Chi phí khác			
18	Dự phòng			

Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 05/DT-QLDA[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM…
Tên BQLDA:……

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng (I+II)			
I	**Chi thường xuyên**			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
10	Chi hội nghị			
11	Chi thanh toán công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
18	Dự phòng			
II	**Chi không thường xuyên**			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] *Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.*

Mẫu số: 01/QĐ-QLDA

CƠ QUAN DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-	*……, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số… ngày… của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm….

Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

Giá trị dự toán được duyệt là:..... đồng.

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	2	5
A	**DỰ TOÁN THU**	
	Tổng cộng: (1)	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	
4	Nguồn thu hợp pháp khác	
B	**DỰ TOÁN CHI** (2)	
	Tổng cộng (3)	
1	Tiền lương	
2	Tiền công	
3	Các khoản phụ cấp lương	
4	Các khoản trích nộp theo lương	
5	Chi khen thưởng	

6	Chi phúc lợi tập thể	
7	Thanh toán dịch vụ	
8	Chi mua vật tư văn phòng	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	
10	Chi hội nghị	
11	Chi công tác phí	
12	Chi thuê mướn	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	
14	Chi đoàn vào	
15	Chi sửa chữa tài sản	
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý	
17	Chi phí khác	
18	Dự phòng	

Điều 2. Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- BQLDA….;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(2) Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm *(1)* nêu trên thì trong dự toán chi ghi một dòng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

(3) Tổng chi của BQLDA thực hiện trong năm kế hoạch.

Mẫu số 02/QĐ-QLDA[2]

CƠ QUAN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-	*……, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số… ngày… của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm….

Ban quản lý dự án...

Giá trị dự toán được duyệt là:... đồng

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	2	3
A	**DỰ TOÁN THU**	
I	**Tổng số thu**	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	
5	Nguồn thu hợp pháp khác	
II	**Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**	
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B**	
B	**DỰ TOÁN CHI**	
1	Tiền lương	

[2] *Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.*

2	Tiền công	
3	Các khoản phụ cấp lương	
4	Các khoản trích nộp theo lương	
5	Chi khen thưởng	
6	Chi phúc lợi tập thể	
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	
8	Chi mua vật tư văn phòng	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	
10	Chi hội nghị	
11	Chi thanh toán công tác phí	
12	Chi phí thuê mướn	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	
14	Chi đoàn vào	
15	Khấu hao tài sản cố định	
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	
17	Chi phí khác	
18	Dự phòng	
III	**Chi không thường xuyên**	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	
5	Chi khác	

Điều 2. Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BQLDA….;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/QT-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN

Năm……..

Tên chủ đầu tư hoặc BQLDA:.....

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm....:
- Kinh phí quyết toán trong năm:
- Kinh phí chuyển năm sau:

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt (Đồng)	Đề nghị quyết toán (Đồng)
A	**NGUỒN THU (1)**		
	Tổng cộng		
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang		
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý		
3	Dự án bổ sung trong năm		
4	Nguồn thu hợp pháp khác		
B	**CÁC KHOẢN CHI (2)**		
	Tổng cộng		
1	Tiền lương		
2	Chi thu nhập tăng thêm		
3	Tiền công		
4	Các khoản phụ cấp lương		
5	Các khoản trích nộp theo lương		
6	Chi tiền thưởng		
7	Chi phúc lợi tập thể		
8	Thanh toán dịch vụ công cộng		
9	Chi mua vật tư văn phòng		
10	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền		
11	Chi hội nghị		

12	Chi công tác phí		
13	Chi thuê mướn		
14	Chi đoàn đi công tác nước ngoài		
15	Chi đoàn vào		
16	Chi sửa chữa tài sản		
17	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý		
18	Chi phí khác		

Dự kiến phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1				
2				

Chủ đầu tư/BQLDA		**Kho bạc Nhà nước....**
Kế toán trưởng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)*	Xác nhận: - Kinh phí đã thanh toán trong năm là:.... đồng; - Kinh phí còn dư là:..... đồng; **Phụ trách thanh toán** *(Ký, ghi rõ họ tên)* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(2) Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm *(1)* nêu trên thì trong chi phí đề nghị quyết toán ghi một dòng tổng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

Mẫu số: 01.QĐ/QT-QLDA

CƠ QUAN DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-	*……, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số… ngày… của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm….

Ban quản lý dự án……..

Kinh phí quyết toán trong năm:

Kinh phí chuyển năm sau:

1. Quyết toán nguồn thu:

Đơn vị tính:…

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
	Tổng cộng: (1)		
1	Nguồn được trích theo kế hoạch		
2	Nguồn năm trước chuyển sang		
3	Nguồn khác (nếu có)		

2. Quyết toán các khoản chi :

2.1. Phần trích cho chủ đầu tư (trường hợp phát sinh chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư)**:** (2)

2.2. Phần BQLDA sử dụng:

Đơn vị tính:…

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
	Tổng cộng:		
1	Tiền lương		
2	Chi thu nhập tăng thêm		
3	Tiền công		

4	Các khoản phụ cấp lương		
5	Các khoản trích nộp theo lương		
6	Chi tiền thưởng		
7	Chi phúc lợi tập thể		
8	Thanh toán dịch vụ công cộng		
9	Chi mua vật tư văn phòng		
10	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền		
11	Chi hội nghị		
12	Chi công tác phí		
13	Chi thuê mướn		
14	Chi đoàn ra		
15	Chi đoàn vào		
16	Chi sửa chữa tài sản		
17	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý		
18	Chi phí khác		

Điều 2. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm…. cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1				
2				
3				
…				

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- BQLDA….;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/QT-QLDA[3]

CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-	*……, ngày tháng năm*

BÁO CÁO
Quyết toán thu, chi quản lý dự án năm...

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm....:
- Kinh phí đề nghị quyết toán chi tiết như sau:

A. Nguồn thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán
I	**Tổng cộng**		
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang		
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý		
3	Dự án bổ sung trong năm		
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế phải nộp		
5	Nguồn thu hợp pháp khác		
II	**Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**		
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I)-(II)**		***(a)***

B. Các khoản chi

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng		***(b)***	***(c)***
I	**Chi thường xuyên**			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			

[3] *Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.*

4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
II	**Chi không thường xuyên**			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

C. Sử dụng các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích năm báo cáo	Số sử dụng năm báo cáo	Số dư chuyển sang năm sau
(1)	(2)	(3)	(4)=(a)-(b)-(c)	(5)	(6)=(3)+(4)-(5)
	Tổng số				
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm				
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				

Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1				
2				

Ban QLDA		Kho bạc Nhà nước *(1)*.....
KẾ TOÁN TRƯỞNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*	Xác nhận: - Kinh phí đã thanh toán trong năm là:.... đồng; - Kinh phí còn dư là:..... đồng; **PHỤ TRÁCH KSC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* **GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: (1) Trường hợp Ban QLDA có các hoạt động tư vấn với các chủ đầu tư khác, có tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng thì bổ sung tài liệu xác nhận số dư trên tài khoản của Tổ chức tín dụng.

Mẫu số: 02.QĐ/QT-QLDA[4]

CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-	*……, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số… ngày… của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm….

Ban quản lý dự án……..

1. Quyết toán nguồn thu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
I	**Tổng cộng**		
1	Nguồn được trích theo kế hoạch		
2	Nguồn năm trước chuyển sang		
3	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp		
4	Nguồn khác (nếu có)		
II	**Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**		
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)**		***(a)***

[4] *Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.*

2. Quyết toán các khoản chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng			
I	**Chi thường xuyên**		***(b)***	***(c)***
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Các khoản trích nộp theo lương			
5	Chi khen thưởng			
6	Chi phúc lợi tập thể			
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
10	Chi hội nghị			
11	Chi thanh toán công tác phí			
12	Chi phí thuê mướn			
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào			
15	Khấu hao tài sản cố định			
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản			
17	Chi phí khác			
II	**Chi không thường xuyên**			
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

3. Quyết toán trích lập các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
1	**Tổng số**	(1) =(2)+(3)+(4)=(***a)-(b)-(c)***
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	
4	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	

Điều 2. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm…. cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1				
2				
…				

Điều 3. Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BQLDA….;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng